TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Văn Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Trọng Khôi**

2. Ông **Phạm Văn Nhơn**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kiều Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 462/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022, về việc *"Ly hôn "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Tống Thị K,** sinh năm 1985 "có đơn đề nghị xét xử vắng mặt".

Địa chỉ: ấp PH, xã PT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: **Trắc Ngọc T**, sinh năm 1980 "có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: ấp ST, xã LT, huyện TO, tỉnh An Giang.

Tạm trú: ấp PH, xã PT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Tống Thị K trình bày: Giữa chị và anh T thành hôn và có đăng ký kết hôn lần thứ nhất vào năm 2010 do thời gian chung sống giữa chị và anh T phát sinh mâu thẩu thường xuyên cự cải với nhau nên chị và anh T đã

được Tòa án nhân dân huyện TO, tỉnh An Giang ra quyết định và chị là người nuôi con chung Trác Tống Thanh Hùng, sinh ngày 19/11/2012. Sau đó anh T có thay đổi và biết lo làm ăn và thương con nên chị và anh T đăng ký kết hôn lại vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TO. Do thời gian chung sống giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẩn, thường xuyên cự cãi với nhau và hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng 06 tháng nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh T biết, đồng thời triệu tập anh T đến Tòa án nhưng phía bị anh T không đến Tòa án và cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết về việc yêu cầu khởi kiện của chị K, nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa chị K và anh T được.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 31 tháng 3 năm 2023, anh Trác Ngọc T trình bày: Anh và chị K T hôn vào năm 2020, có tổ chức lễ cưới, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22/7/2020. Thời gian chung sống giữa anh và chị K cũng phát sinh mâu thuẩn với nhau và hiện anh và chị K không còn chung sống với nhau từ tháng 9/2022 đến nay. Nay theo yêu cầu ly hôn của chị K, anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị K cương quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc nguyên đơn chị K và anh T vắng mặt tại phiên tòa hôm nay và có làm đơn xin xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tống Thị K, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho nguyên đơn chị Tống Thị K được ly hôn với bị đơn anh Trác Ngọc T.

Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Chị K và anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Tống Thị K có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn xin ly hôn của chị Tống Thị K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TO, tỉnh Vĩnh Long giải quyết cho chị ly hôn với anh Trác Ngọc T cư trú tại ấp PH, xã PT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Việc nguyên đơn chị Tống Thị K và bị đơn anh Trác Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nhưng nguyên đơn, bị đơn có làm đơn xin vắng mặt nên việc vắng mặt của các đương sự là phù hợp theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị K và anh T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Giữa chị Tống Thị K và anh Trác Ngọc T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận vào ngày

22/7/2020 là phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu anh chị sống có hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống thường xuyên cự cải, do anh T không lo làm ăn và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ cho anh Thàng, nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị K nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được giữ chị K với anh T cho thấy anh, chị không muốn nếu kéo cuộc hôn nhân này, đời sống hôn nhân của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 31/3/2023 anh T trình bày anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị K. Như vậy xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh T không còn, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K, xử cho chị K được ly hôn với anh T là có cơ sở phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị K và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị K và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Xét lời đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án dân sự sơ thẩm: Chị Tống Thị K có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các vào Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tống Thị K, cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Tống Thị K được ly hôn với anh Trác Ngọc T.

2. Về con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Chị K và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Tống Thị K có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* chị K đã nộp theo biên lai thu số 0014916 ngày 24/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO thu, nên chị K không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện TO;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã PT
- số 31 ngày 22/7/2020
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Phương